

Ý NGHĨA CỦA HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG XÂY DỰNG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

● DƯƠNG VĂN TOÀN - NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT - DƯƠNG MINH NGỌC

TÓM TẮT:

Nghiên cứu nhằm làm rõ ý nghĩa thời đại của học thuyết giá trị thặng dư của Các Mác khi nghiên cứu về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, giúp cho việc lý giải bản chất của các quan hệ kinh tế nảy sinh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cũng như những quan hệ kinh tế mới trong bối cảnh thế giới hiện nay.

Từ khóa: giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, sức lao động, tỉ suất giá trị thặng dư, lợi nhuận, kinh tế thị trường.

1. Những vấn đề lý luận cơ bản về học thuyết giá trị thặng dư của Các Mác

Thứ nhất, hàng hóa sức lao động là nguồn gốc của giá trị thặng dư.

Trong Bộ Tư bản, khi trình bày lý luận giá trị thặng dư, C.Mác đã định nghĩa “Sức lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong một cơ thể, trong một con người đang sống và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó”¹.

Để sức lao động trở thành hàng hóa cần phải hội đủ hai điều kiện: (i) Người lao động phải được tự do về thân thể, có khả năng chi phối, sở hữu năng lực của bản thân. (ii) Người lao động không có đủ những tư liệu sản xuất cần thiết để tự kết hợp với sức lao động của mình nhằm tạo ra các hàng hóa cho nên chỉ có thể bán chính sức lao động của chính mình.

Cũng giống như hàng hóa thông thường, hàng hóa sức lao động có hai thuộc tính là giá trị và giá trị sử dụng. Giá trị của hàng hóa sức lao động được tính bằng giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết để sản xuất ra và tái sản xuất sức lao động, duy trì đời sống công nhân. Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động thể hiện ra trong quá trình tiêu dùng sức lao động, tức là quá trình lao động để sản xuất ra một hàng hóa nào đó.

Là hàng hóa đặc biệt, giá trị hàng hóa sức lao động khác hàng hóa thông thường ở chỗ giá trị hàng hóa sức lao động mang yếu tố tinh thần và lịch sử. Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động không thể tích trữ được và chỉ tồn tại trong con người đang sống, bằng lao động trừu tượng, công nhân tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị sức lao động, phần lớn hơn đó được gọi là giá trị thặng dư (ký hiệu là m), nhà tư bản thu lấy mà không trả cho người lao động. Với

nghĩa đó, có thể hiểu: giá trị thặng dư tư bản chủ nghĩa là giá trị mới do lao động sống tạo thêm ra ngoài giá trị hàng hóa sức lao động, là bộ phận lao động không được trả công của người làm thuê.

Theo Các Mác, sản xuất hàng hóa nhỏ của nông dân và thợ thủ công trong xã hội tư bản cũng có thể “không những tái sản xuất ra sức lao động của mình, mà còn tạo ra giá trị thặng dư nữa”². Tuy nhiên, sản xuất giá trị thặng dư không phải là quy luật tuyệt đối của sản xuất hàng hóa nhỏ mà là mục tiêu và động cơ hoạt động tuyệt đối của từng nhà tư bản, cũng như toàn bộ nền sản xuất TBCN bởi vì sự thêm khất lợi nhuận, nhất là lợi nhuận siêu ngạch là động cơ thúc đẩy các nhà tư bản cạnh tranh tìm nơi đầu tư có lợi và đi đầu trong việc ứng dụng các thành tựu của tiến bộ khoa học và công nghệ. Người khẳng định: “Sản xuất giá trị thặng dư hay lợi nhuận là quy luật tuyệt đối của phương thức sản xuất này”³. Ngày nay, trong các công ty cổ phần ở các nước tư bản, một bộ phận cổ đông là người lao động. Dựa vào hiện tượng đó, các học giả tư sản đưa ra thuyết “chủ nghĩa tư bản nhân dân” hòng phủ nhận bản chất bóc lột của tư bản chủ nghĩa đương đại. Song, thực tế đã vạch rõ, việc có một số cổ phiếu ít ỏi không làm thay đổi vị trí của người lao động làm thuê trong doanh nghiệp.

C.Mác là người đầu tiên phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến. Theo đó, tư bản bất biến là điều kiện không thể thiếu được để sản xuất ra giá trị thặng dư, còn tư bản khả biến có vai trò quyết định trong quá trình đó, vì nó chính là bộ phận tư bản đã lớn lên. Sự phân chia đó đã vạch rõ nguồn gốc sinh ra giá trị thặng dư chính là lao động sống, chỉ có sức lao động của người làm thuê mới tạo ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản.

Đấu tranh chống quan điểm của học giả tư bản cho rằng trong thời đại ngày nay cả tư bản bất biến và tư bản khả biến đều tạo ra giá trị thặng dư (m) cần luận giải việc tạo ra giá trị thặng dư và phân chia giá trị thặng dư là hai phạm trù khác nhau. Sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, máy móc tự động và rôbot đã được sử dụng vào quá trình sản xuất, thay thế các công

đoạn khác nhau của quá trình sản xuất. Tuy nhiên, dù máy móc có hiện đại hơn, có hiệu suất cao hơn, trong quá trình sản xuất vẫn phát huy tác dụng với tư cách là tư liệu lao động, là phương tiện để tạo ra giá trị sử dụng và chuyển dịch giá trị vốn có của nó vào trong sản phẩm mới theo mức độ hao mòn chứ không thể tăng thêm giá trị mới. Mặc khác, dù máy móc hiện đại vẫn phải do con người thiết kế và điều khiển, việc thiết kế và điều khiển hệ thống máy hoạt động chính là sự kết tinh lao động sống của con người, đó còn là lao động phức tạp hơn. Nếu tách rời lao động sống của con người thì máy móc hiện đại cũng không thể hoạt động.

Trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, doanh nghiệp cá biệt tiếp cận công nghệ mới giúp nâng cao năng suất lao động, mặc dù giảm bớt số lượng công nhân trực tiếp nhưng vẫn thu được giá trị thặng dư cao hơn do giá trị cá biệt của doanh nghiệp thấp hơn giá trị xã hội, khi bán hàng hóa theo giá trị xã hội, sẽ thu được giá trị thặng dư siêu ngạch. Vì thế, lý luận về sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến, cũng như vai trò của hai bộ phận ấy trong điều kiện của thế giới hiện đại vẫn giữ nguyên giá trị.

Thứ hai, các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản.

Với sự thêm khất giá trị thặng dư, nhà tư bản phải tìm mọi cách để có được giá trị thặng dư ở mức nhiều nhất có thể. Xét về nội dung và bản chất kinh tế, có thể khái quát thành hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư TBCN cơ bản, gồm: phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối.

Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là phương pháp nâng cao quy mô và trình độ bóc lột giá trị thặng dư bằng cách kéo dài tuyệt đối ngày lao động trong khi thời gian lao động tất yếu, năng suất lao động và giá trị sức lao động không đổi. Việc kéo dài đó có những giới hạn nhất định, bởi vì việc kéo dài thời gian lao động phụ thuộc vào giới hạn thể chất và tinh thần của người lao động (họ cần có thời gian nhất định cho nhu cầu ăn, ngủ, nghỉ ngơi để

phục hồi sức khỏe). Ngoài việc kéo dài thời gian lao động, nhà tư bản còn tìm cách tăng cường độ lao động của công nhân. Về thực chất nó cũng giống như kéo dài thời gian lao động.

Sản xuất giá trị thặng dư tương đối: do không thể kéo dài ngày lao động mà còn phải rút ngắn ngày lao động nên các nhà tư bản sử dụng phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối. Đó là giá trị thặng dư thu được do rút ngắn thời gian lao động tất yếu để kéo dài thời gian lao động thặng dư trong khi độ dài ngày lao động không thay đổi. Cơ sở của giá trị thặng dư tương đối là việc áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào trong quá trình sản xuất, từ đó nâng cao năng suất lao động, giá trị cá biệt của hàng hóa giảm xuống, đồng thời giá trị tư liệu sinh hoạt cũng giảm xuống làm cho giá trị sức lao động giảm, thời gian lao động thặng dư tăng lên.

Việc cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động diễn ra trước tiên ở một hoặc vài xí nghiệp riêng biệt làm cho hàng hóa do các xí nghiệp đó sản xuất ra có giá trị cá biệt thấp hơn giá trị xã hội. Khi bán hàng hóa theo giá trị xã hội, từ đó sẽ thu được một số giá trị thặng dư vượt trội so với các xí nghiệp khác. Phần giá trị thặng dư vượt trội hơn đó là giá trị thặng dư siêu ngạch. Giá trị thặng dư siêu ngạch là động lực mạnh nhất thúc đẩy các nhà tư bản ra sức cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động. Hoạt động riêng lẻ của từng nhà tư bản đã dẫn đến kết quả làm tăng năng suất lao động xã hội, hình thành giá trị thặng dư tương đối, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Thứ ba, các hình thái biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Nghiên cứu về các hình thái biểu hiện của giá trị thặng dư thực chất cũng là quá trình phân tích về quan hệ giữa các hình thái tư bản trong việc phân phối giá trị thặng dư trong nền sản xuất TBCN. Căn cứ vào phương diện chức năng của từng bộ phận tư bản công nghiệp được tách ra hoạt động tương đối độc lập trên cơ sở phát triển của phân công lao động xã hội và kinh tế thị trường trong quá trình tái sản xuất xã hội để phân chia ra các loại hình tư bản. Từ đó, tư bản xã hội được

phân chia theo hình thái đầu tư vào các ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh và những hình thái cơ bản gồm tư bản công nghiệp, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản ngân hàng, tư bản kinh doanh nông nghiệp.

Cạnh tranh giữa các ngành đã làm cho tỷ suất lợi nhuận thuộc các lĩnh vực kinh doanh khác nhau được san bằng, tức là hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân. Trong môi trường cạnh tranh, việc phân phối lợi nhuận được C.Mác phân tích cụ thể thông qua các phạm trù lợi nhuận công nghiệp, lợi nhuận thương nghiệp, lợi nhuận ngân hàng, lợi tức cho vay, địa tô.

Thứ tư, quy luật giá trị thặng dư tư bản chủ nghĩa.

Sản xuất ra giá trị thặng dư tối đa cho nhà tư bản là mục đích và động cơ hoạt động của từng nhà tư bản và toàn xã hội tư bản. Vì vậy, “sản xuất giá trị thặng dư hay lợi nhuận là quy luật tuyệt đối của phương thức sản xuất này”⁴. Quy luật này phản ánh bản chất của phương thức sản xuất TBCN, thể hiện qua mục đích và phương tiện để đạt mục đích ấy. Mục đích trực tiếp của sản xuất TBCN không phải là sản xuất ra giá trị sử dụng, cũng không phải vì sản xuất ra giá trị nói chung, mà là sản xuất ra giá trị thặng dư. Đối với tất cả các nhà tư bản, mục đích sản xuất của họ là làm giàu, là nhân giá trị lên, là làm tăng giá trị, giá trị thặng dư càng nhiều, càng tốt.

Quy luật giá trị thặng dư tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của xã hội tư bản. Nó quyết định toàn bộ quá trình phát sinh, phát triển của chủ nghĩa tư bản và sự thay thế nó bằng một xã hội mới, cao hơn. Một mặt, quy luật giá trị thặng dư là động lực mạnh mẽ nhất thúc đẩy cải tiến, đổi mới kỹ thuật, công nghệ, phân công lao động, xã hội hóa sản xuất, làm cho năng suất lao động và lực lượng sản xuất phát triển nhanh chóng, nền sản xuất được xã hội hóa cao. Mặt khác, do tác động của quy luật giá trị thặng dư nên sự phát triển của nền sản xuất TBCN diễn ra dưới hình thức mâu thuẫn đối kháng. Sự tác động của quy luật này làm cho mâu thuẫn cơ bản - mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN về tư

liệu sản xuất. Xu hướng lịch sử tất yếu đó của chủ nghĩa tư bản sẽ bị thay thế bởi một xã hội văn minh hơn, xã hội xã hội chủ nghĩa.

Trên bề mặt nền kinh tế TBCN, quy luật giá trị thặng dư phát huy tác động điều tiết của nó thông qua các cơ chế như: (i) Điều tiết sản xuất kinh doanh và phân phối trong nền kinh tế TBCN tự do cạnh tranh thông qua lợi nhuận, lợi nhuận trung bình. (ii) Điều tiết sản xuất kinh doanh và phân phối trong lĩnh vực thương mại của nền kinh tế TBCN tự do cạnh tranh thông qua lợi nhuận thương nghiệp. (iii) Điều tiết sản xuất kinh doanh và phân phối trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng của nền kinh tế TBCN tự do cạnh tranh thông qua lợi tức, lợi nhuận xí nghiệp, lợi nhuận ngân hàng, lợi tức cổ phần. (iv) Điều tiết sản xuất kinh doanh và phân phối trong lĩnh vực nông nghiệp, bất động sản... của nền kinh tế TBCN tự do cạnh tranh thông qua địa tô TBCN.

2. Ý nghĩa của học thuyết giá trị thặng dư và hàm ý cho Việt Nam trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Một là, học thuyết giá trị thặng dư là cơ sở khoa học cho việc luận giải tính chất lịch sử của phương thức sản xuất TBCN.

Phương thức sản xuất TBCN là một quá trình tất yếu bởi vì lực lượng sản xuất phát triển đòi hỏi quan hệ sản xuất phải thích ứng và phù hợp với nó. C.Mác khẳng định “sản xuất giá trị thặng dư hay lợi nhuận là quy luật tuyệt đối của phương thức sản xuất này”⁵. Quy luật giá trị thặng dư là “tuyệt đối” không chỉ ở chủ nghĩa tư bản, là nơi mà quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa chiếm địa vị thống trị mà cũng là tuyệt đối ở bất kỳ đâu và khi nào xuất hiện hàng hóa sức lao động. Do đó, ngay cả những nước duy trì nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thì quy luật giá trị thặng dư vẫn tác động và phát huy tác dụng.

Sự tiến bộ của quan hệ sản xuất TBCN đã tạo nên đột biến trong lực lượng sản xuất của loài người. Trong tác phẩm tuyên ngôn của Đảng Cộng sản C. Mác và Ph. Angghen đã nhận định: “Giai cấp tư sản trong quá trình thống trị chưa đầy một thế

kỷ đã tạo ra một lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các phương thức sản xuất trước đó gộp lại”⁶.

Học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác đã chỉ rõ xu thế vận động tất yếu của phương thức sản xuất TBCN đồng thời cũng là tất yếu của sự vận động của xã hội loài người phải trải qua giai đoạn TBCN. Đồng thời với mâu thuẫn nội tại của nó, mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa và quốc tế hóa cao độ của lực lượng sản xuất với quan hệ chiếm hữu tư nhân TBCN về tư liệu sản xuất sẽ ngày càng sâu sắc, trầm trọng không thể giải quyết được. Do đó, tất yếu nó phải được thay thế bằng một phương thức sản xuất tiến bộ hơn, đó là chủ nghĩa xã hội.

Đảng ta đã đánh giá là kết luận về địa vị lịch sử của chủ nghĩa tư bản như sau: “Chủ nghĩa tư bản hiện đang nắm ưu thế về vốn, khoa học và công nghệ, thị trường, song không thể khắc phục nổi những mâu thuẫn vốn có. Các quốc gia độc lập ngày càng tăng cường cuộc đấu tranh để tự lựa chọn và quyết định con đường phát triển của mình. Chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và tạo ra bước phát triển mới. Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”⁷.

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, tất cả các nước có nền kinh tế chuyển đổi như Việt Nam đều phải thừa nhận sự tồn tại khách quan của quy luật giá trị thặng dư. Khi chúng ta “mời gọi” vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và ngay cả vốn ODA; đồng thời khuyến khích tạo điều kiện cho người lao động làm thuê cho chủ đầu tư kinh doanh theo phương thức tư bản chủ nghĩa (cả trong nước và nước ngoài) có nghĩa là chấp nhận bóc lột, hay tạo điều kiện cho quy luật giá trị thặng dư hoạt động và phát huy tác dụng.

Hai là, học thuyết giá trị thặng dư là cơ sở khoa học vững chắc trong thời đại ngày nay khi khẳng định nguồn gốc sự giàu có là từ lao động.

Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư của C.Mác là cơ sở lý luận quan trọng để giàu có. Đối

với những nước chưa có điều kiện tăng năng suất lao động xã hội thì trước hết phải sắp xếp, bố trí công ăn việc làm cho người lao động, hạn chế tới mức thấp nhất tình trạng không có hoặc thiếu việc làm của lực lượng lao động. Nếu các điều kiện khác không hay đổi thì của cải xã hội tỷ lệ thuận với số người lao động. Đồng thời với việc tăng số lượng người lao động là việc sử dụng thời gian lao động có ích của một ngày lao động. Mặt khác, để rút ngắn khoảng cách chênh lệch giàu so với những nước phát triển, nước chậm phát triển, trong khi chưa có điều kiện tăng năng suất lao động phải tăng cường độ lao động, thậm chí kéo dài ngày lao động. Cố nhiên, việc kéo dài ngày lao động hay tăng cường độ lao động gặp phải những giới hạn thể chất không thể vượt qua nhưng trong bối cảnh cần thiết - cấp bách vẫn có thể khai thác nguồn tiềm năng này một cách hiệu quả. Xem xét trong một quá trình lâu dài thì sự giàu có của mỗi quốc gia, dân tộc không thể chỉ dựa vào tăng số lượng người lao động, kéo dài ngày lao động hay tăng cường độ lao động (sản xuất ra giá trị thặng dư tuyệt đối) mà phải là tăng năng suất lao động cá biệt cũng, như tăng năng suất lao động xã hội (sản xuất giá trị thặng dư tương đối). Tăng suất lao động cá biệt sẽ thu được lợi nhuận siêu ngạch, còn tăng năng suất lao động xã hội là cơ sở, điều kiện để thu được giá trị thặng dư tương đối.

Đối với Việt Nam, có nhiều ý kiến đánh giá năng suất lao động rất thấp, ngày càng tụt hậu xa hơn so với các nước trong khu vực. Do đó, Nhà nước cũng như các chủ thể sản xuất, kinh doanh cần quan tâm đề ra nhiều giải pháp góp phần nâng cao năng suất lao động. Đảng và Nhà nước đang lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn chặt với phát triển kinh tế tri thức. Thực chất của các quá trình nêu trên là nhằm tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm, nhờ đó mà nâng cao giá trị gia tăng.

Để tăng năng suất lao động, trước hết phải đổi mới công cụ lao động, trang bị máy móc thiết bị hiện đại, nhưng nước ta còn nghèo chưa có đủ tiền

để mua máy móc hiện đại, trong khi đó chúng ta cũng chưa thể tự sản xuất, vì vậy phải có chiến lược “đi tắt” và chọn lựa khâu đột phá, đồng thời phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để tăng năng suất lao động cao nhất có thể. Mặt khác, muốn tăng năng suất lao động cần phải có đội ngũ lao động lành nghề, trình độ chuyên môn cao. Những người lao động đó chỉ có thể có trong một nền giáo dục - đào tạo hiện đại. Cũng chính vì thế Đảng và Nhà nước ta luôn xếp giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu và tập trung nguồn lực toàn xã hội nhằm đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo.

Ba là, học thuyết giá trị thặng dư là cơ sở khoa học cho việc nhận thức và phát triển kinh tế thị trường hiện đại.

Lịch sử loài người chứng minh, cho đến hiện nay chưa có phương thức sản xuất nào tốt hơn có thể thay thế kinh tế thị trường. Sản xuất trao đổi hàng hóa vẫn đang là phương cách tối ưu nhất để con người, các cộng đồng người và rộng hơn là các nền kinh tế trao đổi hoạt động với nhau. C.Mác đã luận giải bản chất của trao đổi hàng hóa là sự trao đổi lao động, ẩn dấu đằng sau vỏ bọc vật chất của giá trị sử dụng. Nhờ có sản xuất trao đổi hàng hóa, dưới tác động của cơ chế thị trường, các nguồn lực, tài nguyên thiên nhiên của mỗi quốc gia cũng như của cả loài người đang được huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả nhất. Cho dù là kinh tế thị trường có không ít mặt trái, sinh ra nhiều hệ lụy thì đó vẫn là con đường tối ưu nhất để một quốc gia thoát khỏi nghèo đói, kém phát triển. Vì vậy, cần xác định kinh tế thị trường là con đường, phương thức tất yếu không thể bỏ qua và tạo mọi điều kiện để phát triển theo những quy luật nội tại của nó.

Từ lý luận về kinh tế thị trường trường tư bản chủ nghĩa và Nghị quyết Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ XII, đặc biệt Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về: hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, theo đó, Đảng và Nhà nước sẽ: (i) xây dựng hệ thống pháp luật, quy tắc, quy định và những thông lệ, chuẩn mực trao đổi để khuyến khích ra đời các quan hệ

thị trường; (ii) tạo điều kiện để các chủ thể kinh tế ra đời dưới mọi hình thức đa dạng, phong phú. Cá nhân, hộ gia đình hay tổ chức đều được khuyến khích khởi nghiệp và kinh doanh dưới một hình thức tổ chức bất kỳ theo quy định của pháp luật; (iii) tạo điều kiện thuận lợi để các yếu tố của thị trường và các loại thị trường hình thành và phát triển lành mạnh.

Đối với Việt Nam, qua 38 năm đổi mới toàn diện đất nước mà trước hết là đổi mới lĩnh vực kinh tế với trọng tâm là đổi mới tư duy kinh tế, nước ta đã chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Quá trình vừa tổng kết thực tiễn trong nước cùng với tham khảo học hỏi kinh nghiệm nước ngoài gắn liền với nghiên cứu phát triển lý luận, Đảng ta đã từng bước làm rõ nội hàm và xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt

Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”⁸.

Với điều kiện phát triển của Việt Nam, nghiên cứu học thuyết giá trị thặng dư không chỉ để hiểu bản chất của chủ nghĩa tư bản mà còn để vận dụng vào thực hiện quan điểm, đường lối đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân để xây dựng thành công cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Muốn làm giàu trong điều kiện còn sản xuất hàng hóa thì phải tìm mọi cách để tạo ra càng nhiều giá trị thặng dư càng tốt, thực chất của quá trình này nhằm nâng cao năng suất lao động để phát triển nhanh lực lượng sản xuất xã hội.

3. Kết luận

Học thuyết giá trị thặng dư của Các Mác được ví như “hòn đá tảng” của chủ nghĩa Mác khi nghiên cứu về phương thức sản xuất tư TBCN. Nội dung của học thuyết giá trị thặng dư xoay quanh các vấn đề như: hàng hóa sức lao động, tư bản bất biến, tư bản khả biến, phương pháp sản xuất giá trị thặng dư, tích lũy, các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư,... Nghiên cứu góp phần xác lập niềm tin vào con đường phát triển của đất nước trong bối cảnh mới ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

- ¹C.Mác - Ph.Ăngghen (2002). Toàn tập, tập 23, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 251.
- ²C.Mác - Ph.Ăngghen, Toàn tập, tập 26, tr 583.
- ³C.Mác - Ph.Ăngghen, Toàn tập, tập 23, t.23, tr.872.
- ⁴C.Mác - Ph.Ăngghen, Toàn tập, tập 23, tr. 873
- ⁵C.Mác - Ph.Ăngghen, Toàn tập, t.23, tr.873.
- ⁶C. Mác - Ph. Ăng-ghen (1980). Tuyển tập, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr. 557
- ⁷Văn kiện Đại hội IX (2001). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, H, năm 2001.
- ⁸Văn kiện Đại hội XII - Văn phòng Trung ương Đảng (2016). Nhà in Sự thật, Hà Nội, năm 2016.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. C.Mác - Ph.Ăngghen (1993). Toàn tập, Tập 23, Tập 25, phần 1, Tập 26, phần I, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. C. Mác và Ph. Ăng-ghen (1980). Tuyển tập, t.1, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
3. Văn kiện Đại hội IX (2001). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2001.

4. Văn kiện Đại hội XII - Văn phòng Trung ương Đảng (2016). Nhà in Sự thật, Hà Nội, năm 2016.
5. Những nhận thức về kinh tế chính trị trong giai đoạn đổi mới ở Việt Nam. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.

Ngày nhận bài: 6/4/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 29/4/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 8/5/2024

Thông tin tác giả:

1. TS. DƯƠNG VĂN TOÀN

2. ThS. NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT

3. ThS. DƯƠNG MINH NGỌC

Giảng viên Khoa Lý luận Chính trị - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

THE ROLE OF MARX'S THEORIES OF SURPLUS VALUE IN THE DEVELOPMENT OF A SOCIALIST-ORIENTED MARKET ECONOMY IN VIETNAM

● Ph.D **DUONG VAN TOAN**¹

● Master. **NGUYEN THI MINH NGUYET**¹

● Master. **DUONG MINH NGOC**¹

¹Lecturer, Faculty of Political Theory,
Hanoi University of Civil Engineering

ABSTRACT:

This study clarified the modern significance of Marx's theories of surplus value when studying capitalist production methods. The study is expected to contribute to the explanation of the nature of economic relations that arose during the transition period to socialism in Vietnam as well as new economic relations in the current world context.

Keywords: value, surplus value theory, labor, surplus value rate, profit, market economy.